TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **459**/2023/QĐST-VDS V/v: *Hủy kết hôn trái pháp luật*	*B, ngày 31 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: *Hủy kết hôn trái pháp luật*
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H

**** Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thu Trang**

Thư ký phiên họp: **Ông Phạm Quang Huy**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên họp: **Bà Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 310/2023/TBTL-VHNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc "*Hủy kết hôn trái pháp luật*", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 314/2023/QĐST-MPH ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp số: 126/2023/QĐST-HPH ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận B gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Đặng Tiến D, sinh năm 1985**

HKTT và nơi ở: Số 88 ngõ 94 phố N, phường G, quận B, thành phố H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị Huyền P, sinh năm 1988

HKTT: Số 10A đường P1, phường 3, thành phố Đ, tỉnh L.

Địa chỉ nơi ở cuối cùng: Số 88 ngõ 94 phố N, phường G, quận B, thành phố H. Hiện không rõ địa chỉ.

2. Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H

Địa chỉ: Số 56/612 đường L1, phường G, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc C** - Chủ tịch UBND phường

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đắc P2** - Phó chủ tịch UBND phường theo giấy ủy quyền số 126/UBND ngày 13/6/2023.

(Anh D có mặt; Chị P vắng mặt; Ông P2 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên họp sơ thẩm, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Đặng Tiến D trình bày:

Khoảng cuối năm 2017, thông qua mạng xã hội anh D có quen biết chị Trần Thị Huyền P. Trong thời gian quen biết, tìm hiểu chị P, anh D có nghe chị P nói chuyện, tâm sự về hoàn cảnh gia đình chị, cụ thể: Bố, mẹ của chị P đã mất, hiện chỉ có ông ngoại là người thân duy nhất còn sống ở S, chị P một mình ở H đi thuê nhà sống. Sau một thời gian tìm hiểu khoảng 3-4 tháng thì cả hai quyết định tiến tới hôn nhân vào đầu năm 2018. Anh D và chị P đã đến Uỷ ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H là nơi anh D có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường G, anh D và chị P đã nộp đầy đủ các giấy tờ theo quy định của pháp luật trong đó có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị P và được Uỷ ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/5/2018.

Sau khi đi đăng ký kết hôn, anh D và chị P về chung sống cùng gia đình bố, mẹ đẻ anh D tại địa chỉ: Số 88 ngõ 94 phố N, phường G, quận B, thành phố H. Anh D và chị P chưa tổ chức cưới do chưa có điều kiện về kinh tế và vì chị P đang đi ở thuê nên bố, mẹ anh D rất thương muốn chị P về ở chung cho đỡ tốn tiền thuê nhà.

Quá trình chung sống một thời gian, anh D và gia đình phát hiện chị P có những biểu hiện không trung thực, lừa dối gia đình và họ hàng người quen, cụ thể: Chị P đánh tráo vàng và vay mượn tiền của nhiều người quen bên gia đình anh D mà không trả, bên cạnh đó có nhiều người lạ đến gia đình anh gặp chị P để đòi tiền. Khi bị gia đình gặng hỏi chị P cứ loanh quanh viện lý do nọ kia. Đến ngày 05/7/2019, chị P bỏ nhà đi, khi đi chị P không nói với ai và cũng không để lại thông tin cho gia đình. Anh D đã liên lạc bằng điện thoại di động với chị P nhưng chị P luôn tắt máy và sau đó là bỏ không dùng số thuê bao điện thoại liên lạc nữa. Anh D có chủ động đi tìm và hỏi thăm tin tức của chị P qua bạn bè người quen, thậm chí anh liên lạc cả với những người đã đến nhà anh đòi nợ chị P, thông qua họ anh mới biết trước khi quen anh chị P đã lừa nhiều người lấy tiền cũng với phương thức vờ yêu đương như anh và đến nay cũng không ai có thông tin gì của chị. Đầu năm 2020, anh D có tìm đến nhà ông ngoại của chị P thì được tin ông cũng mất rồi nên cũng không có bất kể đầu mối nào để tìm tung tích chị P. Sau khi tìm hiểu thông tin anh D thấy nhân thân của chị P có rất nhiều nghi vấn nên đã đến cơ quan Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ và Công an phường 3, thành phố Đ, tỉnh L hỏi thông tin về nhân thân chị P thì được biết địa chỉ của chị P ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không có địa chỉ như vậy và chứng minh thư nhân dân của chị P cũng là giả mạo, chính vì thế mà anh D có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường 3,

thành phố Đ để khiếu nại và đề nghị thu hồi giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTHN ngày 23/3/2018 của chị P.

Ngày 13/3/2020, anh D có đến Ủy ban nhân dân phường K để công chứng các giấy tờ để làm thủ tục xin ly hôn chị P ra Tòa án thì tại đó cán bộ tư pháp của Ủy ban nhân dân phường K phát hiện giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTHN ngày 23/3/2018 của chị P có nhiều nghi vấn và anh D cũng có trình bày là đã gửi đơn khiếu nại đề nghị thu hồi giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTHN ngày 23/3/2018 của chị P đến Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, nên cán bộ tư pháp phường K đã liên lạc với Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ để xác minh thì được cung cấp là giấy tờ giả mạo. Vì vậy Ủy ban nhân dân phường K đã thu hồi lại: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/5/2018 của UBND phường G và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTHN ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ để giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó anh D được hướng dẫn làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật ra Tòa án.

Nay anh D nhận thấy chị P đã bỏ đi từ lâu, không có thông tin gì, bản thân chị P có biểu hiện gian dối ngay từ đầu khi dùng giấy tờ chứng minh thư nhân dân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân giả để thực hiện mục đích kết hôn sau đó để lừa đảo lấy tiền và tài sản của gia đình anh D. Do vậy anh D làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận B giải quyết các yêu cầu sau:

1. Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh D và chị P.

2. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân phường G cấp ngày 29/5/2018 giữa anh Đặng Tiến D và chị Trần Thị Huyền P để anh D ổn định cuộc sống.

**** Tại phiên họp***: Người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án Hủy kết hôn trái pháp luật và Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân phường G cấp ngày 29/5/2018 giữa anh Đặng Tiến D với chị Trần Thị Huyền P.

* Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị Trần Thị Huyền P, nhưng chị P không có mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên họp.

**** Tại bản tự khai cùng các lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường G trình bày:***

- Ngày 25/5/2018, Ủy ban nhân dân phường G có nhận được hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Đặng Tiến D, sinh ngày 05/10/1985, địa chỉ thường trú: Số 88 ngõ 94 phố N, phường G, quận B, thành phố H với chị Trần Thị Huyền P, sinh ngày 02/10/1988, địa chỉ: Số 10A P1, phường 3, thành phố Đ, tỉnh L.

- Ngày 29/5/2018, Ủy ban nhân dân phường G đã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 cho anh Đặng Tiến D và chị Trần Thị Huyền P.

- Ngày 05/5/2020, Ủy ban nhân dân phường G, quận B nhận được công văn số 112 của Ủy ban nhân dân phường K, quận B về việc công dân sử dụng giấy xác nhận hôn nhân số 55 ngày 24/5/2018 do Ủy ban nhân dân phường 3 thành phố Đ, tỉnh L cấp cho chị Trần Thị Huyền P với mục đích để đăng ký kết hôn với anh Đặng Tiến D là giấy tờ giả mạo. Ủy ban nhân dân phường K đã tiến hành tạm giữ giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường G để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/5/2020, Ủy ban nhân dân phường G gửi công văn số 464 về việc xác minh thông tin tình trạng hôn nhân của công dân đến Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, tỉnh L.

- Ngày 12/5/2020, phòng Tư pháp quận gửi công văn số 129 về việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận kết hôn của anh Đặng Tiến D và chị Trần Thị Huyền P.

- Ngày 14/5/2020, Ủy ban nhân dân phường G nhận được công văn trả lời số 159 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, tỉnh L.

- Căn cứ vào kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố , tỉnh L, Ủy ban nhân dân phường G nhận thấy công dân đã không trung thực, sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký kết hôn. Ngày 20/5/2020, Ủy ban nhân dân có văn bản số 525 gửi phòng Tư pháp quận B về việc hủy hồ sơ đăng ký kết hôn.

- Ngày 24/5/2020, Ủy ban nhân dân phường G nhận được văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của phòng Tư pháp quận B. Ủy ban nhân dân phường G đã hướng dẫn công dân làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật tại Tòa án nhân dân quận B.

- Nay anh D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự:**

- Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án nhân dân quận B:

- Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Tiến D đối với chị Trần Thị Huyền P; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/5/2018 của UBND phường G, quận B, thành phố H.

- Anh Đặng Tiến D được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

- Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định này theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận B nhận định:

*** Về tố tụng**:

Người yêu cầu: Anh Đặng Tiến D yêu cầu Tòa án giải quyết "Hủy hôn nhân trái pháp luật và Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn" là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng Dân sự. Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H là nơi việc đăng ký kết hôn trái pháp luật được thực hiện, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

*** Về nội dung**:

[1]. Anh Đặng Tiến D và chị Trần Thị Huyền P có quen biết nhau qua mạng xã hội và sau một thời gian tìm hiểu cả hai quyết định tiến tới hôn nhân. Do chưa tổ chức cưới nhưng để hợp thức việc chị P về chung sống vợ chồng cùng anh D nên cả hai đã đến Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H để làm thủ tục đăng ký kết. Ngày 29/5/2018, Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 cho anh Đặng Tiến D và chị Trần Thị Huyền P.

Sau khi kết hôn, chị P về chung sống cùng anh D và ở chung với bố, mẹ đẻ của anh D tại địa chỉ: Số 88 ngõ 94 phố N, phường G, quận B, thành phố H.

Quá trình chung sống đến tháng 7/2019, anh D và gia đình anh phát hiện chị P có các hành động gian dối như: Lấy trộm tài sản gia đình cũng như vay nợ nhiều người, dẫn đến người lạ đến nhà đòi tiền. Khi gia đình yêu cầu chị P giải thích thì chị P tìm cách né tránh, sau đó bỏ nhà đi đâu không rõ. Anh D đã nhiều lần liên lạc, tìm kiếm thông tin của chị P qua người quen bạn bè nhưng không ai có thông tin về nơi ở, nơi làm việc của chị P hiện nay. Anh D cũng đã chủ động đi tìm hiểu về nhân thân của chị P ở tại địa chỉ trên các giấy tờ khi chị P cùng anh đi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì mới phát hiện ra các giấy tờ đó đều là giấy tờ giả và không có địa chỉ, nhân thân con người nào như vậy, nên anh Đặng Tiến D đề nghị Tòa án nhân dân

quận B giải quyết Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh với chị Trần Thị Huyền P và Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân phường G cấp ngày 29/5/2018.

* Căn cứ pháp lý của yêu cầu khởi kiện: Chị Trần Thị Huyền P đã sử dụng các giấy tờ về nhân thân giả bao gồm chứng minh thư nhân dân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTHN ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, tỉnh L với mục đích lừa dối đi đăng ký kết hôn với anh Đặng Tiến D tại Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H, sau đó lợi dụng lòng tin của anh D và gia đình anh để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của gia đình sau đó bỏ trốn, đến nay không có tin tức gì.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện có 02 văn bản là Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTH, cụ thể là 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTH ngày 23/3/2018 do Ủy ban nhân dân phường K, quận B thu giữ của anh Đặng Tiến D và 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTH ngày 24/5/2018 do Ủy ban nhân dân phường G lưu giữ khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh D và chị P.

[2.1]. Tại công văn số 76/UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, tỉnh L trả lời đơn của anh Đặng Tiến D có nội dung:

- Sổ hộ tịch lưu trữ tại UBND phường 3, số xác nhận 55/UBND-XNTTHN là xác nhận cho bà Đỗ Khánh L2, không phải xác nhận cho bà Trần Thị Huyền P. Giấy xác nhận cho bà Trần Thị Huyền P không do Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, tỉnh L phát hành.

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 55/UBND-XNTTH do ông Đặng Tiến D cung cấp là giả mạo vì: Chủ tịch UBND phường 3 nhiệm kỳ 2016-2021, thời điểm năm 2018 là ông Nguyễn Đức D1, không phải là bà Nguyễn Thị T. Công chức tư pháp hộ tịch thời kỳ này là bà Nguyễn Thị Kim H1, không phải là bà Nguyễn Thị H2. Ủy ban nhân dân phường 3 sẽ báo cáo lại Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh L để chỉ đạo Công an thành phố Đ điều tra xử lý hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức. Đề nghị ông D đến Tòa án nhân dân nới cư trú để yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn trái quy định của pháp luật.

[2.2]. Tại Công văn số 159/UBND ngày 14/5/2020 của UBND phường 3 trả lời công văn số 464/UBND ngày 06/5/2020 của Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H cũng thể hiện nội dung: Sổ hộ tịch lưu trữ tại UBND phường 3, số xác nhận 55/UBND-XNTTHN là xác nhận cho bà Đỗ Khánh L1, không phải xác nhận cho bà Trần Thị Huyền P. Giấy xác nhận cho bà Trần Thị Huyền P không do Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Đ, tỉnh L phát hành.

Qua kiểm tra nhân khẩu thực tế tại địa phương thì đường P1, thành phố Đ, không có địa chỉ số 10 A và không có ai tên là Trần Thị Huyền P.

[2.3]. Theo Công văn số 175/CAP ngày 29/5/2023 của Công an phường 3 - Công an thành phố Đ, tỉnh L cung cấp cho Tòa án nhân dân quận B cũng thể hiện nội dung: Trên địa bàn Phường 3, thành phố Đ, tỉnh L không có địa chỉ: Số 10A P1; không tồn tại công dân là Trần Thị Huyền P, sinh năm 1988, CMND: 257384019 do ngày Công an tỉnh L cấp 14/5/2010, đang sinh sống.

[3]. Như vậy căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên cho thấy các Giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân cũng như các giấy tờ nhân thân và địa chỉ con người trong các giấy tờ được sử dụng đi đăng ký kết hôn giữa người kết hôn với anh D đều là giấy tờ làm giả với mục đích để lừa dối kết hôn với anh D đây là hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia dình năm 2014. Việc anh D yêu cầu Tòa án Hủy việc kết hôn trái pháp luật và hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 do Ủy ban nhân dân phường G cấp ngày 29/5/2018 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật là hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[5]. Về Lệ phí giải quyết việc Dân sự: Anh Đặng Tiến D không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[6]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Dân sự, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định ;Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định tại Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[7]. Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 370; Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh Đặng Tiến D đối với chị Trần Thị Huyền P. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Tiến D và chị Trần Thị Huyền P.

2. Hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 65 ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường G, quận B, thành phố H.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Đặng Tiến D không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, và được hoàn trả số tiền 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số 0007833 ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Người yêu cầu giải quyết việc Dân sự có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKS nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND phường G,
quận B, TP.H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thu Trang